

# NHỮNG CON CHỮ DỊU DÀNG

(Tâm Bút-Bài 1)

Một trong vài may mắn hiếm hoi tôi có được trong đời là đã sở hữu trái tim với độ rung quá nhạy theo tình yêu dành cho Chữ Nghĩa. Từ khi còn rất bé tôi đã yêu các con chữ. Nghe Mẹ kể rằng tôi cứ hay ngồi một mình trong xó, chẳng quan tâm điều gì ngoài cuốn sách bằng tranh đang cầm trên tay.

Theo thời gian, những trang tranh được thay bằng trang chữ. Đọc miên man bất cứ lúc nào; đọc xong lại cặm cụi viết vào nhật ký các bài được chọn. Quyền nhật ký là vật bất ly thân. Các bản văn được chọn cũng “bất ly thân” với tôi như vậy.

*“Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. (...)”*

Sự dị dạng trong chữ nghĩa Thanh Tịnh “hóp hờn” tôi ra sao khi còn tâm bé thì lớn lên chút nữa, cảm xúc bắt gặp trong một đoạn của chương mở đầu Le Grand Meaulnes mang cùng trạng thái nói trên:

*“(...) Khi lớp học đã tan vào bốn giờ chiều, một đêm dài cô đơn lại đến với tôi. Theo lệ thường, cha tôi chuyển lớp than còn sót trong lò sưởi của lớp sang lò sưởi phòng ăn. Lần lượt, đám học trò rời ngôi trường lạnh lẽo có những làn khói cuộn lăn quanh mái. Trong sân cũng còn vài cuộc chơi, vài cuộc rượt đuổi. Nhưng khi đêm xuống thì hai người giữ phần quét dọn lớp mặc áo khoác vào, mũ trùm kín đầu, cặp sách kẹp trong tay, nhanh chóng ra về, để mặc cánh cửa trường mở toang. Phần tôi, hễ bao giờ còn chút ánh sáng mờ nhạt ban ngày thì tôi còn lưu lại nơi trường học, giấu mình trong phòng văn khố đầy những xác ruồi chết cùng những tờ yếm thị phát phơ trong gió, ngồi đọc sách trên cái xích đu trẻ con đã cũ gần bên cánh cửa sổ mở ra vườn. Cuối cùng, lúc trời tối hẳn, những con chó trong căn trại nhà hàng xóm bắt đầu sủa vang và cái bếp nhỏ vuông vức sáng ánh đèn thì tôi trở về nhà. Mẹ tôi khởi sự dọn cơm. Tôi trèo ba bậc lên vừa lúa, ngồi lặng yên, đầu dựa vào thanh gỗ lạnh của thang gác, nhìn mẹ nhóm lửa trong căn bếp hẹp lung linh ánh đèn cây.” (Le Grand Meaulnes, Alain-Fournier, TTBG chuyên Việt ngữ năm 2009).*

Những giòng ký ức của hai tác giả sống ở hai phương trời Đông – Tây cách biệt đã gây liên trong tôi nỗi rung động kỳ diệu, để, cứ mỗi lần đọc lại là mỗi lần bắt gặp trong tim điều diệu kỳ thứ nhất. Ngẫm, thấy lạ rằng, tôi yêu trên hết những bản văn viết về thời gian cấp sách đến trường của một tác giả, kể luôn tác giả Trần Thị Kiều My.

Tôi cũng đang là một tác giả, vậy mà không hiểu sao chẳng viết gì về quãng đời “trái mọng còn xanh” ấy của mình?

Mà không, trong chữ nghĩa tôi cũng đã từng có một đoạn rất ngắn:

***\*/ Sài Gòn, thứ Năm 20/10/1966***

*Văn gặp Nghinh trong orchestre trường Nhạc, người bạn lớn hơn 8 tuổi, chơi violon alto, tánh tình rất nhỏ nhẹ dịu dàng, gia cảnh nghèo, sống cùng bà mẹ. Gốc Hà Nội, anh được tôi dành cho nhiều cảm tình nhất trong ban nhạc và cũng nhiều lần được tôi kể cho nghe hết mọi tâm sự, như giữa hai người bạn trai.*

***\*/ Sài Gòn, thứ Ba 25/10/1966***

*Trong thánh đường trường Nhạc, ngồi cùng Thụy dưới hàng ghế khán giả nhìn lên sân khấu có ban nhạc thầy Nghiêm Phú Phi đang tập dượt, tôi cười với Nghinh, vị trí hàng thứ nhì bên phía phải.*

*Tan buổi tập, Nghinh xuống ngồi cạnh. Tôi hỏi:*

*“Anh có biết bản Duyên Thê không? Em vừa nghe được tối hôm qua trong chương trình Nhạc Chủ Đề của nhà văn Nguyễn Đình Toàn. Hay quá!”*

*Nghinh gật đầu, hát nhỏ nhỏ:*

*“Một vì sao sáng trong đêm lạnh vắng*

*Người tìm quên lãng khi xuân còn thắm...”*

*Giọng hát thật âm khiến ngỡ ngàng ngạc nhiên không ít. Tôi có bao giờ nghe Nghinh hát đầu nên thật thích thú (như đã từng thích nghe Hà hát Tristesse bằng tiếng Pháp).*

*Trong trọn cuộc đời, rồi bài hát nào sẽ được ưa thích hơn cả? Tristesse, Duyên Thê, Nỗi Lòng, hay Biệt Ly?*

***\*/ Sài Gòn thứ Tư 26/10/1966***

*Buổi sáng trong giờ Việt Văn, Tú Uyên hỏi:*

*“Đêm qua Nghinh thê nào?”*

*Tôi đáp rằng Nghinh hát Duyên Thê thật hay.*

*Tú Uyên cười:*

*“Chuyện giống y như trong tiểu thuyết. Chàng hát cho nàng nghe!”*

*[]*

Tuổi học trò của tôi chỉ vất vờ vài giòng như thế! Hết! Chẳng có gì lưu lại trong trí nhớ ngoài hình ảnh một đứa nhỏ, rồi một cô thiếu nữ lúc nào cũng lang thang trong sân trường với cuốn sách trên tay... Còn Tú Uyên, cô bạn thân, học trò piano của thầy Nguyễn Cầu, giờ đã nằm im dưới biển. Nghinh thì chẳng biết trôi giạt về đâu kể từ dạo còn đi học thuở xưa...)

Thế rồi:

“(…) Kể từ cơn gió mạnh của đêm hôm kia đã đưa chúng tôi đến vùng bờ biển xứ Corse này, tôi xin kể bạn nghe một câu chuyện khủng khiếp về biển cả mà các dân chài ở đây thường nhắc lại với nhau trong những buổi tối. Một cách tình cờ, tôi cũng được biết nhiều chi tiết lạ lùng về câu chuyện này.

Cách nay hai hoặc ba năm, tôi vượt biển Sardaigne với bảy hay tám thủy thủ. Thật là một chuyến đi khó khăn cho một người mới bắt đầu đi biển như tôi. Suốt tháng Ba, chúng tôi chẳng có được một ngày thoải mái. Ngọn gió đông cứ bám theo sau và biển cả không ngừng cuồn cuộn.

Một đêm chạy trốn trước khi bão đến, tàu chúng tôi tới neo trong eo biển Bonifacio, giữa một đám đảo nhỏ. Quang cảnh nơi đây chẳng có gì hứa hẹn: Toàn các tảng đá lớn trơ trụi đầy chim; vài bụi nhũ hương; đó đây trong bùn lầy là những mảnh gỗ mục rữa. Nhưng, thú thật, để trải qua đêm bên các tảng đá quái gở này thì cũng còn khá hơn trú lại trong căn phòng trên boong với lớp sóng biển tràn vào thỏa thích. Và chúng tôi rất lấy làm hài lòng.

Vừa bước lên bờ, trong khi các thủy thủ nhóm lửa nấu súp, vị chỉ huy gọi tôi, chỉ cho thấy một khoảng đất nhỏ có rào kín màu trắng khuất lẩn trong sương mù ở cuối đảo.

“Ông có muốn đến nghỉ địa không?” Ông hỏi.

“Nghĩa địa à, ông Lionetti? Chúng ta đang ở đâu vậy?”

“Quần đảo Lvezzi, thưa ông. Đây là nơi an nghỉ của sáu trăm người trên chiếc tàu Sémillante, ngay ở nơi mà chiến hạm của họ đã bị chìm, mười năm trước... Thật là tội nghiệp! Chẳng mấy ai tới thăm viếng họ; ít nhất chúng ta cũng nên đến chào họ một tiếng vì chúng ta đã đến đây...”

“Rất sẵn lòng, thưa ông.”

Nghĩa địa của tàu Sémillante trông buồn thảm làm sao!... Tôi vẫn còn thấy bức tường thấp và cánh cổng sắt của nó, han rỉ, khó mở; căn nhà nguyện lặng lẽ, chừng vài trăm cây thánh giá màu đen lẩn khuất trong cỏ... Không một vòng hoa, không một ghi nhớ! Không điều gì cả... Ôi! Những người chết bị quên lãng đáng thương, hẳn là họ phải lạnh lắm trong những ngôi mồ bất chợt!

Chúng tôi quỳ ở đó chốc lát. Ông trưởng đoàn đọc kinh to giọng. Các con hải âu, kẻ duy nhất canh giữ nghĩa trang, bay vòng vòng trên đầu chúng tôi, hòa nhập tiếng kêu vang rền của chúng vào tiếng rền rĩ của biển.

Câu nguyện xong, hai chúng tôi buồn rầu quay về góc đảo nơi chiếc tàu đang neo lại. Trong khi chúng tôi vắng mặt, các thủy thủ đã không để phí thì giờ. Một đống lửa sáng rực được đốt lên khuất sau một tảng đá, và một cái nồi đang bốc khói. Mọi người ngồi chung quanh, chân quay về phía lửa. Chẳng mấy chốc, từng người đều có trên đầu gói họ một cái tô bằng đất nung, hai khoanh bánh mì với đầy đủ gia vị. Bữa ăn lặng lẽ: chúng tôi đều bị ướt, đói và đang ngồi kể bên một nghĩa trang... Khi những cái tô đã trống, chúng tôi đốt ống điếu và bắt đầu gầy chuyện một chút. Tự nhiên là ai cũng nói về chiếc tàu Sémillante.  
(...)

Đoạn mở đầu truyện ngắn nói trên của Alphonse Daudet (*L'agonie de la Sémillante*) là bản văn thứ nhất được tôi ghi vào nhật ký ở cái tuổi lên mười, đọc đi đọc lại hoài không chán, để từ đó mà óc tưởng tượng đã mở ra tình yêu thẩm thiết dành cho biển cả, cho các con tàu và ngọn gió xa khơi.

Thời gian không chút đổi thay với những đắm say vừa kể. Từng khi đọc lại các bản văn trong các cuốn nhật ký là sợi tơ tâm hồn vẫn thấy ngân lên điệu rung của thuở xa xưa.

*“Tôi gặp anh lần đầu ở Piraeus. Tôi muốn đấp tàu đi Hy Lạp nên lần xuống hải cảng.*

*Trời còn tối và mưa đang trút. Một cơn gió mạnh thổi tung đợt sóng vào tận quán café.*

*Liếp cửa đóng kín. Quán nồng mùi lá ngải ủ lâu ngày.*

*Không khí bên ngoài buốt giá, làn kính mờ đục theo hơi thở của khách. Năm, sáu thủy thủ qua đêm tại đây cuộn mình trong những áo khoác da dê nhâm nhi café, mắt nhìn chăm chăm ra biển qua các cửa sổ đục màn sương ẩm.*

*Đàn cá hoảng kinh theo sóng dữ, lặn sâu dưới đáy. Đám dân chài ngồi chờ cơn bão đi qua để cá ngoi lên đớp miếng mồi câu. Các con cá bơn, cá đuối trở về sau cuộc hành trình đêm tối. Bình minh đang ló dạng...”*

(Alexis Zorba -Nikos Kazantzakis, TTBG chuyển tiếng Việt từ một bản Anh ngữ, 2016.)

A! Tiếng gào của biển và những cơn gió từ xa khơi thổi về đã cuốn hút tôi ngay khi còn rất bé! Phải gọi đó là nỗi ám ảnh không bao giờ nhạt phai trong trí nhớ tôi.

Trong Nhật Nguyệt Buồn Như Nhau tôi đã viết:

*(...) Nha Trang, thứ Sáu 20/9/1974, trong căn phòng số 8 của Hôtel Nautique.*

*Nửa đêm về sáng, nằm lắng nghe tiếng biển thét gào điên đảo, lòng tôi chọt quặn lên từng hồi cảm xúc băng khuâng. Lạ một nỗi rằng đang ở cạnh anh, hai bàn tay đan vào nhau, vậy mà điều chi phối rất nhiều tâm tư tôi vẫn chỉ là điệu ru ai oán của từng cơn sóng dữ. Tôi nghĩ miên man đến câu chuyện Fanny của Marcel Pagnol đọc khi còn bé. Nghe như có cái gì trùng giống trong tâm trạng chàng Marius và của cả tôi hiện tại. Tình yêu và nỗi đam mê giang hồ cùng được đặt lên bàn cân so sánh. Trong tiểu thuyết, Marcel Pagnol đã cho Marius chọn được một. Nhưng còn tác phẩm đời riêng, tôi chưa biết điều cuối cùng nào sẽ nắm trong tay?*

Rồi lại:

*\*/ Nha Trang, Thứ Ba, Jan. 24/2017 (ngày 27 Tết).*

*Gió mang mang lan tràn trên phố, gió từ xa khơi biển cả thổi về. Trong gió có vương mùi kỷ niệm. Trong gió có thì thầm những tiếng biệt ly. Gió, thân thiết cận kề như đoạn nhật ký ghi vội một ngày cuối Chạp (tháng Jan. 2017, Tết Đinh Dậu, cùng anh Phùng Kim Ngọc lưu lại hai tháng trong nhà Dì ở Nha Trang):*

*“Tỉnh dậy lúc nửa khuya sau một giấc chập chờn với hai viên thuốc ngủ, từ bàn viết ngồi nhìn mông lung ra ngoài cửa sổ hít từng cơn gió lạnh Nha Trang. Mùa này có cái gió rất đẹp vương vương không khí. Mùi muối mặn thổi từ xa khơi biển cả. Dù không phải là nơi chôn nhau cắt rốn nhưng Nha Trang đã ghi trong tôi những cảm xúc rất đậm đà. Đó là tuổi trẻ của tôi. Là phần đất cát giữ giùm vài quãng đời rất đẹp. Khi 22 tuổi, những bước một mình trên phố Độc Lập tóc dài bay bay theo gió; lúc 25 tuổi, những đêm tan dancing Nautique trở về căn nhà 7B Quang Trung, tóc dài cũng bời rời gió bay. (...)*

(Trích Viết Cho Người Đã Chết, TTBG).

Nỗi ám ảnh thấm cả trên những giòng viết về Chopin trong Tài Hoa Mệnh Bạc:

*Thường xuyên Valldemosa bị bao trùm bởi làn mây thấp, lại luôn rền vang từng đợt gió hú. Thịnh thoảng vẫn có tiếng sấm dội lên như những tiếng đập của cái búa thợ nề. Những dãy núi nhìn từ xa có màu ửng đỏ trông giống như một cái ghế khổng lồ đong đưa trong giông bão. Tiếng sóng biển ầm ầm, không ngớt đập vào các tảng đá phía bắc và phía tây; những con chim hải âu kêu thét, tiếng gào của chúng hòa vào tiếng kêu phẫn nộ của những cơn gió; tệ hơn hết là cảnh tượng ma quỷ của những con chim ó xà xuống thấp trong sương mù để vỗ chụp một con chim sẻ không may đang đậu trên nhánh một cây lựu nào đó;...*

*Tất cả mọi điều như vậy bắt đầu tác động nặng nề sợi giây thần kinh nhạy cảm cao độ của Chopin. (...)*

(Frédéric CHOPIN -1810—1849-

Tài Hoa Mệnh Bạc, TTBG).

Lòng quý yêu kỷ niệm được khởi đi từ những con chữ. Trái tim mở ra cho tất cả những gì gọi là “ký ức” suốt cả đời về sau. Trên những giòng im im thấy như có bàn tay của từng tác giả vượt lên trên tóc đũa-con-nít-tôi với lời thì thầm rất nhẹ:

***“Đây là thế giới của con, cứ mạnh dạn bước vào, con sẽ được ôm...”***

*Khi Emily vừa hai tuổi, ông Bronte được cử làm mục sư ở Haworth nên đưa cả gia đình về lưu trú tại đó. Vùng đất rộng tiếp giáp từ dãy núi Pennine (còn được gọi là cột xương sống của nước Anh), trải thẳng kỳ diệu đến tận ngay ngưỡng cửa nhà Bronte, trong có ngọn gió bắc giá buốt luôn luôn rú gào ai oán, có bãi đồng hoang mênh mông đầy những đá sạn để chỉ duy những đàn cừ trắng, những chùm thạch thảo tím và các rặng dương xỉ xanh um mới làm dịu được chút nào sự gay gắt cho cái nhìn của các cư dân.*

*Không có đường giao thông thường xuyên, không có sự liên lạc đều đặn hàng ngày giữa Haworth với thế giới bên ngoài. Những ngôi nhà được xây bằng gạch xám sản xuất từ chính trong vùng đó. Các con ngõ chật hẹp. Toàn thể cảnh sắc âm u buồn bã. Cư dân đa số là những người có khí chất cọc cằn, bướng bỉnh, ít nói, khỏe mạnh và hung hãn đến gần*

*giống như thú vật. Nơi đây trở thành vòm trời thân yêu duy nhất của Emily cho đến hết đời nàng. (Trích Emily Bronte, Tài Hoa Mệnh Bạc, TTBG).*

Trong những giòng văn TTBG, các hình ảnh buồn tênh thật là xúc động này vẫn cứ hoài đeo đẳng.

*(...) Đêm mùa đông 2008 ấy, rời chiếc chiếu có đám trẻ đang say ngủ, tôi một mình ra đứng giữa lòng đường quốc lộ I nửa khuya.*

*Trời lạnh cắt da những ngày cận Tết. Không gian trống trơn, chẳng tiếng động nào ngoài tiếng biển gào ai oán và tiếng gió rền lòng lộng. Tưởng như có tiếng khóc em gái Ngọc Huyền từ xa khơi vọng lại. Cả con người chết sững, tâm tư hoàn toàn rơi vào trạng thái ngất ngây.*

*Ngẫm thật nhanh, trong đời từng đọc biết bao quyển sách hay, nghe biết bao khúc giao hưởng cổ điển, nhìn biết bao bức tranh bức tượng đẹp... vậy mà chưa lần nào tôi “bắt gặp được cái Đẹp thật sự” với đủ sắc màu tuyệt diệu, “như chính ngay khi ấy”. Cảm nhận có bàn tay dịu dàng của Bà Mẹ Thiên Nhiên đang vuốt lên trên má. Cái Đẹp CÓ THẬT mà không là vẽ vời tô điểm qua Văn Chương. Cái Đẹp của Thiên Nhiên bất ngờ hòa chung vào cái Đẹp nội tâm. Chỉ mình tôi với “Nó”! Chỉ trái tim tôi với biển đen thăm thẳm, với gió khóc trên không, với bóng tối cuối đường quốc lộ, với ánh đèn lập lòe rất xa từ một làng chài phía bên kia biển. Tất cả hòa lại với nhau, làm thành một khối rất Đẹp ôm lấy tôi, bao trọn cả con người, dù cái Đẹp ấy kéo dài trong chỉ phút giây!*

*(...)*

*(Trích Viết Cho Người Đã Chết, TTBG).*

\*

\*\*

Đêm nay thứ Năm, **Mar. 28. 2019** tại San Jose, California, ngồi viết những giòng này, tôi mới chợt hiểu “tại sao” lại có sự rung cảm đến ngất ngây trong trái tim mình mỗi khi ghi xuống lên trang giấy những kỷ niệm liên quan đến biển rộng, các con tàu và những cơn gió.

Lại hiểu cả nỗi đau khổ của anh Phùng Kim Ngọc theo chuyện “lúc nào đôi mắt em cũng sáng lên ánh nét kỳ lạ khi nói về một chân trời xa xôi!”

[]

*Trần Thị Bông Giấy*

*(Bài viết xong tại San Jose thứ Năm Mar. 28/2020 11:30 khuya).*

[]